

Số: 932/QĐ-UBND

Đồng Hới, ngày 15 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá đất cụ thể và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án thành phần 2 - cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu, tại phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (đợt 6)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐỒNG HỚI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024.

Căn cứ Nghị quyết 254/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11/12/2025 Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 2409/QĐ-UBND ngày 06/09/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi và kế hoạch lựa chọn

nhà thầu dự án: Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc Dự án đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 228/QĐ-KHĐT ngày 19/11/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc Phê duyệt thiết kế kỹ thuật và dự toán Dự án thành phần 2 - Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc Dự án đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Bình ban hành Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình V/v ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình V/v ban hành quy định mức bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Nghị Quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị Quy định Bảng giá đất áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 1803/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh Quảng Bình và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) ban hành trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Công văn số 532/UBND-NNMT ngày 09/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc triển khai công tác quản lý đất đai sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026;

Căn cứ Thông báo số 31/TB-UBND ngày 23/01/2025 của UBND thành phố Đồng Hới về thu hồi đất để thực hiện dự án thành phần 2 - cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình, địa điểm tại xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới (đợt 3);

Căn cứ Thông báo số 86/TB-UBND ngày 24/3/2025 của UBND thành phố Đồng Hới về thu hồi đất để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án thành phần 2 - cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình, địa điểm tại xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới (đợt 4);

Căn cứ Thông báo số 2198/TB-UBND ngày 22/9/2025 của UBND phường Đồng Hới Điều chỉnh danh sách kèm theo Thông báo số 86/TB-UBND ngày 24/3/2025 của UBND thành phố Đồng Hới về thu hồi đất để giải phóng mặt bằng

thực hiện dự án thành phần 2 - cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình, địa điểm tại xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới (đợt 4);

Căn cứ Thông báo số 1961/TB-UBND ngày 12/9/2025 của UBND phường Đồng Hới Điều chỉnh danh sách kèm theo Thông báo số 31/TB-UBND ngày 23/01/2025 của UBND thành phố Đồng Hới về thu hồi đất để thực hiện dự án thành phần 2 - cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình, địa điểm tại xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới (đợt 3);

Căn cứ Thông báo số 4575/TB-UBND ngày 25/11/2025 của UBND phường Đồng Hới Điều chỉnh danh sách kèm theo Thông báo số 31/TB-UBND ngày 23/01/2025 của UBND thành phố Đồng Hới về thu hồi đất để thực hiện dự án thành phần 2 - cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình, địa điểm tại xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới (đợt 3);

Căn cứ Thông báo số 5296/TB-UBND ngày 11/12/2025 của UBND phường Đồng Hới Điều chỉnh danh sách kèm theo Thông báo số 31/TB-UBND ngày 23/01/2025 của UBND thành phố Đồng Hới về thu hồi đất để thực hiện dự án thành phần 2 - cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình, địa điểm tại xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới (đợt 3 - lần 4);

Căn cứ Thông báo số 1333/TB-UBND ngày 20/3/2026 của UBND phường Đồng Hới Điều chỉnh danh sách kèm theo Thông báo số 86/TB-UBND ngày 24/03/2025, Thông báo số 2202/TB-UBND ngày 22/9/2025, Thông báo số 147/TB-UBND ngày 05/5/2025 về chủ trương thu hồi đất để thực hiện dự án thành phần 2 - cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tại phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Thông báo số 1130/TB-UBND ngày 20/3/2026 của UBND phường Đồng Hới về thu hồi đất để thực hiện dự án thành phần 2 - cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tại phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (thông báo lại lần 1);

Căn cứ Tờ trình số 121/TTr-BQL ngày 28/01/2026 của Ban QLDA ĐTXĐ và Phát triển quỹ đất Đồng Hới về việc đề nghị thẩm định và phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án thành phần 2 - Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc Dự án Đường ven biển và Cầu Nhật Lệ, tỉnh Quảng Trị tại phường Đồng Hới;

Căn cứ Tờ trình số 454/TTr-BQL ngày 13/4/2026 của Ban QLDA ĐTXĐ và Phát triển quỹ đất Đồng Hới về việc đề nghị thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án thành phần 2 - cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu, tại phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (đợt 6) và Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chi tiết kèm theo;

Xét Biên bản thẩm định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án thành phần 2 - cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu, tại phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị ngày 14/4/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể phường;

Xét Biên bản thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án thành phần 2 - cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu, tại phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (đợt 6) ngày 14/4/2026 của Hội đồng thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số: 930/TTr-KTHT&ĐT ngày 14/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất cụ thể và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án thành phần 2 - cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu, tại phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (đợt 6) với các nội dung chính như sau:

I. Giá đất cụ thể: Có phụ lục chi tiết kèm theo

II. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Tổng diện tích đất thu hồi (đợt 6): 12.247,3 m²

2. Tổng số tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi: 13 hộ gia đình, cá nhân.

3. Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng tiền.

4. Phương án bố trí tái định cư: Không.

5. Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi: Không

6 Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất: 4.730.752.000 đồng (Bốn tỷ bảy trăm ba mươi triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng chẵn)/. Trong đó:

+ Bồi thường về đất: 678.911.000 đồng

+ Bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất: 532.908.000 đồng

+ Các khoản hỗ trợ: 3.518.933.000 đồng

Đối tượng được bồi thường, hỗ trợ: (Chi tiết có phụ lục kèm theo)

7. Chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Chưa thẩm định phê duyệt trong đợt này.

8. Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

- Thời gian thực hiện chi trả tiền: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình;

Điều 2. Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới có trách nhiệm phối hợp với Văn phòng HĐND-UBND phường phổ biến và niêm yết công khai

Quyết định này tại trụ sở UBND phường và địa điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất bị thu hồi; gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và quyết định phê duyệt cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1; phối hợp với chủ đầu tư tổ chức thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo quy định; thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án đã được phê duyệt.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND-UBND, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Trưởng Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới; Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Ban quản lý dự án cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu; đối tượng được bồi thường, hỗ trợ có tên tại Điều 1; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các đối tượng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thăng Long

**(Phụ lục chi tiết kèm theo Quyết định số 932/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của Chủ tịch
UBND phường Đồng Hới)**

STT	Thửa đất số	Tờ bản đồ địa chính số	Diện tích (m²)	Mục đích sử dụng	Khu vực/Đường	Vị trí	Giá đất cụ thể (đồng/m²)	Ghi chú
1	231-3-2	60	285,5	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
2	231-3-3	60	4,9	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
3	231-2-1	60	555,4	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
4	231-2-2	60	71,6	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
5	19	26	463,2	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
6	143	25	347,9	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
7	100(1)	25	203,9	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
8	100(2)	25	37,8	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
9	101(1)	25	221,6	NTS	Đồng bằng	1	51.000	
10	101(2)	25	69,0	NTS	Đồng bằng	1	51.000	
11	102(1)	25	170,7	NTS	Đồng bằng	1	51.000	
12	102(2)	25	73,0	NTS	Đồng bằng	1	51.000	
13	140(1)	25	21,4	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
14	140(2)	25	13,5	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
15	141(1)	25	141,3	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
16	141(2)	25	60,2	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
17	40(2)	26	475,2	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
18	178(1)	25	42,0	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
19	350	25	684,4	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
20	177(1)	25	125,9	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
21	177(2)	25	23,9	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
22	177(3)	25	20,3	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
23	179(1)	25	214,2	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
24	179(2)	25	1,5	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
25	176(4)	25	61,3	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
26	231-3-1	60	1.021,6	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
27	13(1)	26	1.113,1	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
28	13(2)	26	173,9	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
29	13(4)	26	20,3	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
30	32(1)	26	169,8	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
31	32(2)	26	84,7	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
32	144	25	332,0	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
33	39	26	257,8	HNK	Đồng bằng	1	56.000	

34	98-1	25	20,1	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
35	25(1)	26	418,7	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
36	25(2)	26	64,2	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
37	22(1)	26	226,8	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
38	22(2)	26	83,9	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
39	23(1)	26	0,5	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
40	23(2)	26	9,1	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
41	24(1)	26	2,6	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
42	24(2)	26	8,5	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
43	116-1-1	26	891,6	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
44	116-1-2	26	80,3	NTS	Đồng bằng	1	51.000	
45	116-3	26	25,7	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
46	115-1	26	285,5	NTS	Đồng bằng	1	51.000	
47	115-2	26	8,1	NTS	Đồng bằng	1	51.000	
48	11-1	26	524,1	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
49	11-2	26	243,5	NTS	Đồng bằng	1	51.000	
50	11-3	26	151,4	NTS	Đồng bằng	1	51.000	
51	456	25	1.020,8	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
52	192(1)	25	397,5	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
53	192(2)	25	116,6	HNK	Đồng bằng	1	56.000	
54	279(1)	25	61,3	NTS	Đồng bằng	1	51.000	
55	292(1)	25	22,1	NTS	Đồng bằng	1	51.000	
56	280(1)	25	21,5	CLN	Đồng bằng	1	56.000	
Cộng: 56 thửa đất			12.247,2					

**(Phụ lục chi tiết kèm theo Quyết định số 932/QĐ-UBND ngày 15/4/2026 của Chủ tịch
UBND phường Đồng Hới)**

ĐVT: Đồng

TT	Họ và tên Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đất	Tài sản trên đất	Hỗ trợ	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ
1	Ông, bà: Nguyễn Thảo - Hoàng Thị Chái. - CCCD: 044153004312 - Địa chỉ: TDP Cửa Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị. - Chỗ ở hiện nay: TDP Cửa Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.	47,838,000	16,583,000	249,825,000	314,246,000
2	Bà Đào Thị Hường và những người thừa kế theo pháp luật của ông, bà: Đào Dũng - Hoàng Thị Liệu (đã chết) - CCCD: 044162005204 - Địa chỉ: xã Hoàn Lão, tỉnh Quảng Trị. - Chỗ ở hiện nay: xã Hoàn Lão, tỉnh Quảng Trị.	25,667,000	12,812,000	133,827,000	172,306,000
3	Các ông, bà: Hoàng Thị Buôi - Lê Hưng - Lê Thị Huyền - Lê Quang Hiến - Lê Thị Hoàn - Địa chỉ: TDP Cửa Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị. - Nơi ở hiện nay: TDP Cửa Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.	26,611,000	2,452,000	139,227,000	168,290,000
4	Ông, bà: Nguyễn Xuân Hiền - Trần Thị Mai CCCD: 044061002940 - Địa chỉ: TDP Cửa Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị. - Nơi ở hiện nay: TDP Cửa Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.	77,314,000	17,258,000	400,149,000	494,721,000
5	Bà Nguyễn Thị Bông và những người thừa kế theo pháp luật của ông Lê Anh Tấn (đã chết) - CCCD: 044163006553 - Địa chỉ: TDP Cửa Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị. - Nơi ở hiện nay: TDP Cửa Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.	57,210,000	52,739,000	291,769,000	401,718,000
6	Ông, bà: Nguyễn Công Hoan - Phan Thị Mối - CCCD: 044057000162 - Địa chỉ: TDP Cửa Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị. - Nơi ở hiện nay: TDP Cửa Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.	87,461,000	19,396,000	453,070,000	559,927,000

7	Ông, bà: Nguyễn Hào - Đào Thị Lựu. - Địa chỉ: TDP Cửa Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị. -Nơi ở hiện nay: TDP Cửa Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.	18,592,000	0	99,499,000	118,091,000
8	Ông, bà: Nguyễn Ngọc Ánh - Ngô Thị Huế. - Địa chỉ thường trú: Thôn Cửa Phú, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. -Nơi ở hiện nay: TDP Cửa Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.	15,562,000	0	84,048,000	99,610,000
9	Ông, Bà: Hoàng Văn Quyền - Phạm Thị Ngoạn - Địa chỉ: TDP Cửa Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị. -Nơi ở hiện nay: TDP Cửa Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.	165,528,000	185,553,000	844,193,000	1,195,274,000
10	Ông, bà: Lê Dương Nhật Minh - Đinh Thanh Long - CCCD: 044084008434 - Địa chỉ: TDP 2 Mỹ Cương, Phường Đồng Sơn, tỉnh Quảng Trị. - Nơi thường trú: TDP 2 Mỹ Cương, Phường Đồng Sơn, tỉnh Quảng Trị.	57,165,000	9,311,000	305,580,000	372,056,000
11	Ông, bà: Trần Thanh Lương (CCCD: 044078009635) - Phan Thị Duy Tân (CCCD: 042181016450) - Địa chỉ: Phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị. - Nơi ở hiện nay: 443B đường Lâm Hoàng, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị.	28,790,000	16,545,000	153,006,000	198,341,000
12	Các ông, bà: Nguyễn Thị Hương - Phạm Minh Châu - Phạm Thị Phương - Phạm Xuân Hòa - Phạm Thị Túy - Phạm Thị Hồng - Phạm Thị Thủy - Phạm Văn Đồng (Đại diện ông: Phạm Văn Đồng) - CCCD: 044077006538 - Địa chỉ: TDP Cửa Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị. -Nơi ở hiện nay: TDP Cửa Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.	5,457,000	150,066,000	29,588,000	185,111,000
13	Ông, bà: Nguyễn Ngọc Lanh - Nguyễn Thị Oanh CCCD: 044072001217 - Địa chỉ: TDP Cửa Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị. - Nơi ở hiện nay: TDP Cửa Phú, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.	65,716,000	50,193,000	335,152,000	451,061,000
	Tổng cộng	678,911,000	532,908,000	3,518,933,000	4,730,752,000

